

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG CAO TỐC ĐÀ NẴNG-QUẢNG NGÃI
BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN TKKT

Vinh, ngày 29 tháng 12 năm 2014

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ Tư vấn ký giữa Ban quản lý dự án 85 (PMU85) và Liên danh Nippon Koei Co., Ltd; Nippon Engineering Consultants Co., Ltd.; Chodai Co., Ltd và Thai Engineering Consultants Co., Ltd. vào ngày 15/11/2011, và các Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 27/12/2011; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/11/ 2012; Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 30/01/2013; Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 26/04/2013, Phụ lục hợp đồng số 05 ngày 31/07/2013, Phụ lục hợp đồng số 06 ngày 09/01/2014, Phụ lục hợp đồng số 07 ngày /12/ 2014 và Phụ lục hợp đồng số 08 sẽ được ký trong tháng 12, 2014.

Căn cứ các biên bản nghiệm thu khối lượng, công việc hiện trường cho các công việc do Tư vấn thực hiện theo từng giai đoạn thời gian.

Căn cứ nội dung, số lượng hồ sơ đã giao và được phê duyệt Tư vấn đã trình nộp.

Ban QLDA 85 và Liên danh Tư vấn thực hiện dịch vụ TKKT Dự án đường cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi thống nhất lập biên bản nghiệm thu và giải quyết tồn tại với các nội dung sau:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

a) Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án 85 – PMU85:

Ông Phạm Duy Khánh	Phó tổng giám đốc, PMU85
Ông Phan Duy Khánh	Giám đốc dự án, PMU85
Ông Lê Trọng Độ	Phó Giám đốc dự án, PMU85
Ông Lê Anh Tuấn	Nhân viên dự án, PMU85

b) Tư vấn TKKT: Liên danh Nippon Koei Co., Ltd; Nippon Engineering Consultants Co., Ltd.; Chodai Co., Ltd và Thai Engineering Consultants Co., Ltd.

Ông Ishimoto Ichizuru	Giám đốc dự án
Ông Fukuoka Hidekazu	Trưởng đại diện NK tại Hà Nội

2. Các hạng mục nghiệm thu

Căn cứ đề cương tham chiếu (TOR) của hợp đồng các hạng mục nghiệm thu bao gồm:

- Rà soát các nghiên cứu đã thực hiện (TOR 3.2);
- Lập Khung tiêu chuẩn của Dự án(3.2 (2))
- Phân chia các gói thầu (TOR 3.3.1);
- Khảo sát và điều tra hiện trường (TOR 3.3.2);



- Thiết kế cầu, đường và các kết cấu khác (TOR 3.3.3);
- Nghiên cứu và thiết kế hệ thống ITS và hệ thống thu phí (TOR 3.3.4);
- Vận hành và bảo dưỡng đường cao tốc (TOR 3.3.5);
- Xem xét và cập nhật các Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA), Kế hoạch quản lý môi trường (EMP), Kế hoạch phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số (EMDP) và Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) (TOR 3.3.6);
- Kế hoạch tiến độ và biện pháp thi công (TOR 3.3.7);
- Dự toán (TOR 3.3.8);
- Chuẩn bị hồ sơ sơ tuyển, HSMT và Hồ sơ Hợp đồng (TOR 3.3.9);
- Soạn thảo chương trình thực hiện (TOR 3.3.10);
- Hỗ trợ đấu thầu (TOR 3.4);
- Cẩm cọc giải phóng mặt bằng để bàn giao cho địa phương (TOR 3.5); và
- Đào tạo và chuyển giao công nghệ (TOR 3.6)

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: Ngày 29 Tháng 12 Năm 2014
 Kết thúc: Ngày 29 Tháng 12 Năm 2014
 Địa điểm: Văn phòng PMU85 tại Vinh

4. Đánh giá điều động của Tư vấn

Tư vấn đã huy động đầy đủ các vị trí, số lượng nhân sự và được chấp thuận theo quy định hợp đồng; ngoài ra để đáp ứng yêu cầu công việc Tư vấn đã đề xuất và huy động thêm một số nhân sự để thực hiện các công việc của Hợp đồng. Chi tiết công tác huy động, vị trí và số lượng nhân sự của Tư vấn được tóm tắt trong Phụ lục-1: **Điều động của Tư vấn**

5. Đánh giá về các tài liệu đã trình nộp:

a) Chất lượng

Các hồ sơ do Tư vấn chuẩn bị phù hợp với các quy định trong Hợp đồng dịch vụ Tư vấn ký ngày 15/11/2015 và các Phụ lục hợp đồng số .1 ngày 27/12/2011; Phụ lục hợp đồng số.2 ngày 29/11/ 2012; Phụ lục hợp đồng số.3 ngày 30/01/2013; Phụ lục hợp đồng số.4 ngày 26/04/2013, Phụ lục hợp đồng số.5 ngày 31/07/2013, Phụ lục hợp đồng số.6 ngày 09/01/2014, Phụ lục hợp đồng số 7 ngày 29/12/ 2014 và tuân theo các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm hiện hành và chỉ dẫn áp dụng.

Tất cả các hồ sơ trình nộp đã được xem xét và chấp thuận như thể hiện ở **Phụ lục 2: Danh mục các biên bản nghiệm thu.**

b) Xác nhận các công việc đã hoàn thành theo TOR

(1) Rà soát các nghiên cứu đã thực hiện và thiết lập khung tiêu chuẩn của Dự án (TOR 3.2)

Tư vấn đã hoàn thành rà soát hồ sơ thiết kế ở bước trước về xây dựng, ITS, O&M, vấn đề môi trường, xã hội theo đúng yêu cầu của TOR bao gồm:

- a) Rà soát trắc ngang và trắc dọc tuyến và các kết cấu được đề xuất.
- b) Rà soát lại các tác động môi trường và xã hội theo từng vị trí thi công cụ thể đã được xác định trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA) do PMU 85 chuẩn bị.

Đồng thời Tư vấn cũng sẽ rà soát lại các biện pháp giảm thiểu được đề xuất trong Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) tương ứng.

c) Nghiên cứu triển khai thi công theo giai đoạn và quản lý giao thông trong suốt quá trình thi công

d) Xem xét lại các hạng mục trang thiết bị quản lý và vận hành thu phí, các phương tiện & trang thiết bị vận hành và bảo dưỡng, các khu dịch vụ và các bãi đỗ xe.

Kết quả rà soát Tư vấn đã xem xét đề xuất 8 đoạn chỉnh tuyến, thay thế nhiều cầu vượt dân sinh bằng công chui, giảm số lượng cầu từ 127 chiều dài 12 816.9m xuống 103 cầu tổng chiều dài 9 076,5m.

Chi tiết kết quả rà soát FS của Dự án tại phụ lục số 2: Danh mục các biên bản nghiệm thu mục 2.2 ; bảng 1.1

Khung tiêu chuẩn của Dự án đã được Tư vấn cập nhật, bổ sung đệ trình và đã được Bộ GTVT phê duyệt tại các Quyết định số 362/QĐ-BGTVT ngày 20/02/2009, Quyết định số 727/QĐ-BGTVT ngày 06/04/2012, và Quyết định số 994/QĐ-BGTVT ngày 16/04/2013 đã cập nhật các phê duyệt trước. Chi tiết tại phụ lục số 2: bảng 1.2

(2) Phân chia gói thầu (TOR 3.3.1)

Phân chia gói thầu đã được Tư vấn hoàn thành, các gói thầu được phân chia lại và được JICA và WB chấp thuận và được Bộ GTVT phê duyệt tại VB số 1708/QĐ-BGTVT ngày 23/7/2012 và 2403/QĐ-BGTVT, chi tiết tại phụ lục số 2: bảng 2.1.1

(3) Khảo sát và điều tra hiện trường (TOR 3.3.2)

Công tác khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và các công tác khảo sát khác đã được Tư vấn thực hiện đảm bảo theo quy định của Hợp đồng, phạm vi và khối lượng khảo sát đảm bảo chất lượng, đủ số liệu để triển khai thực hiện công tác thiết kế chi tiết. Kết quả tại phụ lục số 2: bảng 2.2.1 – 2.2.7

(4) TKKT đường, cầu và các kết cấu khác (TOR 3.3.3)

Các cầu, công trên tuyến đã được Tư vấn khảo sát tất cả các điều kiện và yêu cầu hiện trường đã được cập nhật, nghiên cứu thủy văn, thủy lực, địa chất, yêu cầu về tĩnh không... Trên cơ sở đó Tư vấn đã thực hiện đệ trình, chỉnh sửa, hoàn thiện các hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo từng gói thầu theo nội dung đã được VEC phê duyệt. Chi tiết được thống kê ở phụ lục số 2: bảng 2.3.

(5) Nghiên cứu và thiết kế hệ thống ITS và hệ thống thu phí (TOR 3.3.4)

Công tác thiết kế hệ thống ITS và hệ thống thu phí đã được Tư vấn thực hiện hoàn thành theo trình tự, các bước thiết kế theo đúng quy định của TOR, phù hợp đề xuất của Tư vấn trong Hợp đồng theo hình thức EPC và khối lượng công việc hoàn thành đã được VEC xác nhận tại văn bản số 4728/VEC-KTCNMT ngày 25/12/2014. Chi tiết tại phụ lục 2 : Bảng 2.4.

(6) Vận hành và bảo dưỡng cao tốc (TOR 3.3.5)

Tất cả các thiết kế ý niệm và hồ sơ TK cơ sở đã hoàn thành và phê duyệt.
Chi tiết tại phụ lục 2 : Bảng 2.5

(7) Xem xét và cập nhật các Báo cáo EIA, EMP, EMDP và RAP (TOR 3.3.6)

Báo cáo cập nhật EIA và EMP đã hoàn thành và được Bộ Tài nguyên Môi trường và WB phê duyệt. Đối với công tác lập báo cáo RAP của Dự án, Tư vấn đã triển khai thực hiện các dịch vụ tư vấn cần thiết. Tuy nhiên, các địa phương có liên quan chưa hoàn thành xong công tác giải phóng mặt bằng dẫn đến việc thiếu các dữ liệu đầu vào để cập nhật RAP mặc dù Tư vấn đã huy động đầy đủ nhân sự thậm chí nhiều hơn thời gian nêu trong Hợp đồng. Tư vấn đã hoàn thành 100% công việc của mình cho các gói thầu 3A, A1, và A4. Các báo cáo của các gói thầu khác cũng đã được trình nộp tuy nhiên vẫn ở tình trạng chưa hoàn chỉnh.

Xem xét khối lượng công việc hoàn thành của RAP, cả hai bên đồng ý rằng Tư vấn sẽ dừng công việc cập nhật RAP với khối lượng công việc hoàn thành được nêu rõ ở Phụ lục 2, Bảng 2.6.1 ~ 2.6.3 và sẽ bàn giao công việc còn lại cho VEC. Tư vấn chịu trách nhiệm cung cấp các tài liệu/báo cáo cần thiết cho VEC để VEC tiếp tục trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được đồng ý trong Biên bản này. Tư vấn có ý kiến nếu công việc còn lại như vậy do cùng tư vấn thực hiện thì chỉ cần ít dữ liệu đầu vào để cập nhật và Tư vấn sẵn sàng hoàn thiện công tác này theo đề nghị của VEC, nếu cần.

Cả hai bên xác nhận rằng RAP không thể hoàn thành do các địa phương có liên quan không cung cấp kịp thời các dữ liệu cần thiết, không phải do lỗi của Tư vấn. Đối với phần việc còn lại, PMU85 kiến nghị cắt giảm tháng công các nhân sự có liên quan theo tỉ lệ phần trăm khối lượng công việc không hoàn thành. Giá trị cắt giảm đã được hai bên thảo luận và thống nhất trong Phụ lục hợp đồng các công việc bổ sung

(8) Kế hoạch và biện pháp thi công (TOR 3.3.7)

Tất cả hồ sơ biện pháp thi công đã hoàn thành và được phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán các gói thầu. Chi tiết tại phụ lục 2, Bảng 2.7

(9) Lập hồ sơ dự toán (TOR 3.3.8); chuẩn bị hồ sơ sơ tuyển, HSMT và Hồ sơ Hợp đồng (TOR 3.3.9)

Tất cả hồ sơ dự toán các gói thầu đã được Tư vấn thực hiện hoàn thành và được VEC phê duyệt. Riêng đối với gói thầu 14A, 14B và gói thầu 13 hồ sơ dự toán đã được Tư vấn hoàn thành, Ban QLDA85 đã trình VEC phê duyệt nhưng do các gói thầu chưa thực hiện công tác đấu thầu nên hồ sơ dự toán chưa được VEC phê duyệt; VEC đã có văn bản xác nhận các khối lượng công việc này đã được hoàn thành. Chi tiết tại phụ lục 2, Bảng 2.8

(10) Soạn thảo chương trình thực hiện (TOR 3.3.10)

Chương trình thực hiện đã được cập nhật và trình nộp theo đúng thời hạn trong suốt thời gian thực hiện dịch vụ.

(11) Hỗ trợ đấu thầu (TOR 3.4)

Hỗ trợ đấu thầu đã được thực hiện kịp thời khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.
Chi tiết tại phụ lục 2, Bảng 2.9.1 ~ 2.9.2

(12) Cấm cọc giải phóng mặt bằng để bàn giao cho địa phương (TOR 3.5)

Công tác cấm cọc GPMB và mốc lộ giới đã được thực hiện xong và bàn giao cho địa phương thực hiện công tác GPMB cho toàn bộ Dự án. Chi tiết tại phụ lục 2, Bảng 2.10.

(13) Đào tạo và chuyển giao công nghệ (TOR 3.6)

Đào tạo và chuyển giao công nghệ đã được thực hiện theo cả hình thức đào tạo tại chỗ và qua các buổi thảo luận giữa các bên tham gia. Chuyển giao theo hình thức đào tạo tại chỗ được thực hiện thông qua các thảo luận hàng ngày về cả quản lý và kỹ thuật của dự án. Chuyển giao qua các buổi thảo luận giữa các bên tham gia được thực hiện thông qua hội thảo kỹ thuật. Tư vấn đã tổ chức chương trình đào tạo theo như Bảng 2.11.1 và Bảng 2.11.2 tại phụ lục 2.

b) Hình thức và khối lượng Hồ sơ TKKT

Hình thức hồ sơ TKKT theo đúng với nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 và theo yêu cầu của khách hàng (PMU85);

Số lượng hồ sơ trình nộp đáp ứng đúng yêu cầu của Phụ lục B: Các yêu cầu về Báo cáo của hợp đồng.
Chi tiết hồ sơ trình nộp tại phụ lục 2 bảng 3.

6. Các vấn đề tồn tại

Đến cuối tháng 12/2014, các vấn đề sau đây vẫn chưa hoàn thành :

1) Báo cáo TK cơ sở gói thầu 13:

Tư vấn TKKT có trách nhiệm cập nhật hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh TKCS gói thầu này theo QĐ số 4844/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư – Dự án đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi (giai đoạn 1) và trình nộp 10 bộ hồ sơ - sản phẩm cuối cùng trước ngày 15/01/2015 và hoàn thiện các công việc còn lại theo quy định hợp đồng.

2) Dự toán gói thầu 14A&14B

Sau khi có phê duyệt từ VEC theo thư số 4559/VEC-KTCNMT ngày 12/12/2014, Tư vấn sẽ hoàn thiện theo yêu cầu của VEC và trình nộp sản phẩm cuối cùng với 10 bộ.

3) Bàn giao công tác RAP cho Tư vấn giám sát :

Tư vấn có trách nhiệm hoàn thiện và trình nộp đủ hồ sơ RAP đối với khối lượng đã được xác định hoàn thành, đồng thời TV phải hỗ trợ VEC để bàn giao công tác RAP các phần việc còn lại kịp thời và đầy đủ ngay khi có yêu cầu từ VEC.

4) Đối với công việc ngoài các nội dung trên yêu cầu hoàn thiện và trình nộp đủ số lượng theo quy định hợp đồng.

7. Kết luận

- Đồng ý nghiệm thu các công việc đã được Tư vấn theo các nội dung quy định TOR của Hợp đồng như đã đề cập ở trên và các phụ lục đính kèm (bao gồm các công việc bổ sung đã được mô tả trong các lệnh thay đổi); Các công việc thực hiện của Tư vấn đảm bảo chất lượng, quy định kỹ thuật của Hợp đồng, số lượng hồ sơ đã được trình nộp đầy đủ ;

- Đối với các công việc tồn tại nêu ở "mục 6: Các nội dung tồn tại" Tư vấn sẽ có trách nhiệm thực hiện, chỉnh sửa hoàn thiện và trình nộp đầy đủ hồ sơ theo nội dung phê duyệt của các cấp có thẩm quyền chậm nhất 15 ngày kể từ ngày các hồ sơ này được phê duyệt.

- Các bên thống nhất các nội dung ghi trong biên bản nghiệm thu này để làm cơ sở cho công tác nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng công việc hoàn thành của Tư vấn theo Hợp đồng số. 01/DD-EDDQP/2011 ký ngày 15/11/2011 giữa Ban quản lý dự án 85 (PMU85) và Liên danh Nippon Koei Co., Ltd; Nippon Engineering Consultants Co.,

Ltd.; Chodai Co., Ltd và Thai Engineering Consultants Co., Ltd. vào ngày 15/11/2011 về thực hiện dịch vụ Tư vấn thiết kế kỹ thuật Dự án đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi.

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN TKKT



[Handwritten signature]
Ishimoto Ichizuru

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



[Handwritten signature]
Pham Duy Khanh

Phụ lục-1: Điều động của Tư vấn

(1) Nhân sự quốc tế a) Theo hợp đồng

TT.	Chức danh	Họ tên	Tháng công		
			Hợp đồng	Thực tế	Chênh lệch
I1	Giám đốc dự án /Trưởng nhóm	Ichizuru Ishimoto	14	20.87	6.87
I2	Kỹ sư đường cao cấp	Takayasu Nagai	13	23.17	10.17
I3	Chuyên gia thẩm định an toàn đường bộ	Maurice Frederick Burley	3	3.01	0.01
I4	Kỹ sư cầu cao cấp	Yoshito Oba	13	15.34	2.34
I5	Kỹ sư đường 1	Koji Nakai	12	16.74	4.74
I6	Kỹ sư cầu/kết cấu 1	Tetsuya Maeda	12	21.21	9.21
I7	Kỹ sư cầu/kết cấu 2	Yoshiaki Nakakubo	4	6.07	2.07
I8	Kỹ sư đường 2	Naresh Sthapit	12	15.37	3.37
I9	Kỹ sư cầu/kết cấu 3	Takeyuki Takada	12	14.63	2.63
I10	Kỹ sư cầu/kết cấu 4	Kentaro Okuno	4	1	-3
I11	Chuyên gia cao cấp về nút giao	Akira Magario	7	4.1	-2.9
I12	Kỹ sư cầu/kết cấu 5	Hiroyuki Yokoyama	11	14.6	3.6
I13	Kỹ sư hầm	Wako Noto	4	6.14	2.14
I14	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 1 (mái dốc)	Fumio Nakamura	2	0.2	1.8
I15	Chuyên gia xử lý nền đất yếu	Yasuhiro Nozue	3	1.13	1.87
I16	Kỹ sư thoát nước	Vachira Charanyanon	7	12.05	5.05
I17	Kỹ sư về sông ngòi	David Rojaz	2	1.67	-0.33
I18	Kỹ sư cầu/kết cấu 6	Akira Yanagisawa	7	7.26	0.26
I19	Kỹ sư mặt đường/vật liệu	Keishi Ihara	4	0.97	-3.03
I20	Kỹ sư khảo sát	Masashi Suzuki	6	8.27	2.27
I21	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 2	Ichiro Noguchi	5	12.83	7.83
I22	Kỹ sư địa chất (Hầm)	Seichiro Kanai	2	0.87	-1.13
I23	Chuyên gia thủy văn cao cấp	Khadananda Lamsal	3	4.9	1.9
I24	Chuyên gia phân tích ngập lụt	Yukishi Tomida	3	0.43	-2.57
I25	Chuyên gia vận hành bảo dưỡng	Kazuya Hiraguri	4	4.03	0.03
I26	Chuyên gia đơn vị quản lý đường cao tốc	Yuichi Tsujimoto	2	2.0	0
I27	Chuyên gia quản lý giao thông	Hisanori Tomitaka	2	1.6	-0.4
I28	Chuyên gia quản lý tài sản	Kyoichi Takeuchi	2	0.3	-1.7
I29	Kiến trúc sư	Yoshinori Yamazaki	3	3.1	0.1
I30	Chuyên gia hệ thống giao thông thông minh	Koichi Nishimura	5	5.29	0.29
I31	Kỹ sư hệ thống thông tin liên lạc	Masahiro Sakagami	3	1.47	-1.53
I32	Kỹ sư điện cao cấp	Shinichi Ando	7	3.47	-3.53
I33	Chuyên gia hệ thống thu phí	Masashi Iwamoto	4	4.1	0.1
I34	Chuyên gia dự toán chi phí/lập kế hoạch thi công	Masanori Nakagi	11	23.94	12.94
I35	Chuyên gia hợp đồng/đấu thầu cao cấp	William John Davy	12	8.87	-3.13
I36	Chuyên gia về môi trường xã hội	Yasuhiro Minami	5	4.73	-0.27
I37	Chuyên gia tái định cư	Vu Ngoc Long	10	18.73	8.73
I38	Chuyên gia đào tạo	Noppong Unhabhokha	4	0	-4
		Tổng	239	294.5	55.5

b) Nhân sự quốc tế ngoài hợp đồng

TT.	Chức danh	Họ tên	Huy động	chấm dứt	MM
I2-2	Kỹ sư đường cao cấp	Ippei IWamoto	15/07/2011	05/5/2013	15.22

TT.	Chức danh	Họ tên	Huy động	chấm dứt	MM
I7-2	Kỹ sư cầu/kết cấu 2	Yoshinori Uchiumi	19/8/2012	31/3/2013	9.56
I9-2	Kỹ sư cầu/kết cấu 3	Toshiyuki Osugi	18/4/2012	25/10/2012	2.99
I10	Kỹ sư cầu/kết cấu 4	Atsushi Kawamura	15/02/2012	16/5/2012	2.93
I14	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 1 (mái dốc)	Motohiro Ura	15/02/2012	05/9/2012	0.60
I14	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 1 (mái dốc)	Yutaka Inagaki	06/9/2012	26/9/2012	0.70
I18-2	Kỹ sư cầu/kết cấu 6	Kyung Duk Kim	07/01/2013	31/3/2013	2.83
I21	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 2	Sutham Sattayakom	25/3/2012	12/5/2012	1.63
I24-2	Chuyên gia phân tích ngập lụt	Toru Koike	06/12/2011	23/12/2011	0.60
I24-3	Chuyên gia phân tích ngập lụt	Akira Sasaki	15/11/2011	25/12/2011	1.36
I35	Chuyên gia hợp đồng/đầu thầu	Uthai Patarasuk	25/3/2012	31/5/2012	2.23
I35-2	Chuyên gia hợp đồng/đầu thầu	Kenji Nomoto John	15/6/2012	13/7/2012	0.96
Tổng					41.61

(2) Nhân sự Trong nước

a) Theo hợp đồng

TT.	Chức danh	Họ tên	Tháng công		
			Hợp đồng	Thực tế	Chênh lệch
L1	Đồng giám đốc dự án	Nguyễn Lam Hồng	14	15.57	1.57
L2	Kỹ sư đường 1 (Hình học)	Phạm Việt Hùng	13	18.80	5.80
L3	Kỹ sư đường 2 (Kết cấu đường)	Hà Phước Thuận	13	23.00	10.00
L4	Chuyên gia thâm định an toàn đường bộ	Nguyễn Anh Phương	3	3.10	0.10
L5	Kỹ sư cầu/kết cấu 1 (Kết cấu phần trên)	Nguyễn Văn Lê	13	26.40	13.40
L6	Kỹ sư cầu/kết cấu 2 (Kết cấu phần dưới/Nền móng)	Cát Trọng Tiến	13	19.00	6.00
L7	Kỹ sư đường 3 (Hình học)	Hoàng Đức Châu	12	25.00	13.00
L8	Kỹ sư đường 4 (Kết cấu đường)	Nguyễn Nho Sĩ	12	23.33	11.33
L9	Kỹ sư cầu/kết cấu 3	Phan Đức Dũng	4	13.83	9.83
L10	Kỹ sư cầu/kết cấu 4	Nguyễn Tâm Đạt	4	17.83	13.83
L11	Kỹ sư đường 5 (Hình học)	Nguyễn Vũ Mạnh	12	23.50	11.50
L12	Kỹ sư đường 6 (Kết cấu đường)	Huỳnh Văn Quang	12	17.9	5.90
L13	Kỹ sư cầu/kết cấu 5	Hồ Lê Thái	4	16.90	12.90
L14	Kỹ sư cầu/kết cấu 6	Lê Thanh Tùng	4	19.83	15.83
L15	Chuyên gia về nút giao	Phan Đặng Việt Anh	2	5.79	3.79
L16	Kỹ sư cầu/kết cấu 7	Phan Công Thành	3	11.00	8.0
L17	Kỹ sư hầm	Nguyễn Quang Toàn	4	1.4	-2.6
L18	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 1 (mái dốc)	Quach Thi Thu	2	0	-2
L19	Chuyên gia xử lý nền đất yếu	Bùi Xuân Hạnh	3	18.66	15.66
L20	Kỹ sư thoát nước 1	Lương Tiến Hùng	7	19.16	12.16
L21	Kỹ sư thoát nước 2	Nguyễn Phúc Hòa	6	9.00	3.00
L22	Kỹ sư về sông ngòi	Nguyễn Sơn	2	0	-2
L23	Kỹ sư mặt đường/vật liệu 1	Trần Trọng Nghĩa	4	7.0	3.0
L24	Kỹ sư mặt đường/vật liệu 2	Nguyễn Việt Hải	4	5.00	1.0
L25	Chuyên gia khảo sát cao cấp 1	Lê Văn Thủ	6	21.87	15.87
L26	Chuyên gia khảo sát cao cấp 2	Đào Trần Châu	5	9.14	4.14
L27	Chuyên gia khảo sát cao cấp 3	Nguyễn Anh Tuấn	5	0	-5
L28	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 2	Nguyễn Doãn Tĩnh	5	9.73	4.73
L29	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 3	Lê Xuân Vũ	4	15.23	11.23
L30	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 4	Trần Duy Khiêm	4	15.23	11.23
L31	Kỹ sư địa chất (Hầm)	Phùng Văn Thời	2	6.47	2.47
L32	Kỹ sư thủy lợi 1	Nguyễn Minh Lương	3	10.62	7.62
L33	Kỹ sư thủy lợi 2	Nguyễn Đức Duy	3	16.90	13.90
L34	Chuyên gia phân tích ngập lụt	Nguyễn Ngọc Bách	3	1.63	-1.37
L35	Chuyên gia kinh tế về giao thông	TRịnh Đức Thắng	3	3.67	0.67
L36	Chuyên gia vận hành và bảo dưỡng	Ha Quoc Hieu	4	0	-4

TT.	Chức danh	Họ tên	Tháng công		
			Hợp đồng	Thực tế	Chênh lệch
L37	Chuyên gia đơn vị quản lý đường cao tốc	Le Tung Lam	2	0	-2
L38	Chuyên gia quản lý giao thông	Phan Minh Tuan	3	0	-3
L39	Chuyên gia quản lý tài sản	Trinh Ngoc Hai Thang	2	0	-2
L40	Kiến trúc sư 1	Nguyễn Văn Hòa	3	4.8	1.8
L41	Kiến trúc sư 2	Ngo Vu Quang Khoa	3	0	-3
L42	Chuyên gia hệ thống giao thông thông minh	Nguyen Huu Tinh	5	0	-5
L43	Kỹ sư hệ thống thông tin liên lạc	Man Thành Nam	3	6	3
L44	Kỹ sư điện 1	Trinh Dinh Khiem	7	0	-7
L45	Kỹ sư điện 2	Võ Hồng	5	16.29	11.29
L46	Chuyên gia hệ thống thu phí	Bui Phu Huy	4	0	-4
L47	Chuyên gia dự toán chi phí 1 (các gói thầu công trình xây lắp)	Văn Hồng Liên	11	19.93	8.93
L48	Chuyên gia dự toán chi phí 2 (các gói thầu công trình xây lắp)	Hoàng Thanh Minh	8	12.53	4.53
L49	Chuyên gia dự toán chi phí 3 (Các gói khác)	Nguyen Thi Sinh	2	0	-2
L50	Chuyên gia hợp đồng/đầu thầu 1	Trần Sỹ Hùng	12	27.87	15.87
L51	Chuyên gia hợp đồng/đầu thầu 2	Ha Ngoc Anh Minh	8	0	-8
L52	Chuyên gia cao cấp về môi trường	Ngô Thế Hùng	8	20	12
L53	Chuyên gia môi trường	Pham The Giang	8	7.9	-0.1
L54	Chuyên gia tái định cư cao cấp	Nguyễn Mạnh Hà	14	13	-1
L55	Chuyên gia xã hội và tái định cư	Lâm Đình Uy	14	23.50	9.50
L56	Chuyên gia văn hoá và khảo cổ	Trần Văn Bình	14	13	-1
L57	Chuyên gia đào tạo	----	4	0	-4
		Tổng	357	616.34	259.34

b) Nhân sự trong nước ngoài hợp đồng:

TT.	Chức danh	Họ tên	Huy động	chấm dứt	MM
L12-2	Kỹ sư đường 7 (Kết cấu đường)	Mai Xuân Ngọc	01/8/2012	31/5/2013	10.00
L12-3	Kỹ sư đường 8 (Kết cấu đường)	Vũ Anh Tuấn	01/8/2012	31/5/2013	10.00
L16-2	Kỹ sư cầu/kết cấu 8	Phạm Kim Mỹ	01/12/2011	28/02/2013	15.00
L16-3	Kỹ sư cầu/kết cấu 9	Cao Cự Vinh	01/12/2011	31/10/2013	22.00
L16-4	Kỹ sư cầu/kết cấu 10	Lê Kiên Cường	15/7/2012	31/8/2013	13.57
L19-2	Chuyên gia xử lý nền đất yếu 2	Nguyễn Trần Hải	01/10/2012	31/8/2013	11.00
L21-2	Kỹ sư thoát nước 3	Vũ Trần Sơn	01/6/2012	20/5/2013	11.67
L21-3	Kỹ sư thoát nước 4	Nguyễn Xuân Đạt	15/11/2012	31/8/2013	9.53
L21-4	Kỹ sư thoát nước 5	Vương Hồng Thắng	15/11/2012	31/8/2013	6.63
L21-5	Kỹ sư thoát nước 6	Phạm Văn Quân	15/11/2012	31/8/2013	9.00
L30-2	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 5	Nguyễn Anh Ngọc	01/8/2012	31/7/2013	12.00
L30-3	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 6	Đào Quang Huy	01/8/2012	15/01/2013	5.50
L30-4	Kỹ sư địa chất/địa kỹ thuật 7	Mai Huy Đạo	01/8/2012	15/01/2013	5.50
	KCS/ đường	Nguyễn Mạnh Chung	01/12/2012	14/9/2013	9.47
	KCS/cầu	Nguyễn Đăng Hoàng	18/12/2012	30/9/2013	9.47
	Tổng				160.33

3) Tổng hợp tình hình điều động

TT	Vị trí	Theo hợp đồng	Đã huy động	Chênh lệch
1	Nhân sự quốc tế	239	294.5 + 41.61 = 336.11	97.11
2	Nhân sự Trong nước	357	616.34 + 160.33 = 776.67	419.67

Phụ lục-2: Danh mục các biên bản nghiệm thu

1.1 Rà soát các báo cáo trước (TOR 3.2.1)

Bảng 1.1

TT.	Tiêu đề báo cáo	Ngày trình	Cập nhật
1	Báo cáo rà soát các nghiên cứu trước (xây dựng)	27/2/2012	R1 (23/3/2012)
2	Báo cáo sơ lược xem xét các vấn đề về môi trường	13/3/2012	R1 (25/3/2012)
3	Báo cáo rà soát các nghiên cứu trước (ITS)	31/10/2012	---
4	Báo cáo rà soát các nghiên cứu trước (O&M)	1/11/2012	---
5	Hoàn thiện hướng tuyến cao tốc	19/5/2012	---

1.2 Khung thiết kế kỹ thuật (TOR 3.2.2)

Bảng 1.2

TT.	Tiêu đề báo cáo	Ngày trình	Cập nhật	Phê duyệt
1	Danh mục các tiêu chuẩn kỹ thuật (xây dựng)	29/11/2011	---	QĐ số 362/QĐ-BGTVT ngày 20/2/09 và QĐ số 727/QĐ-BGTVT ngày 6/4/13 và QĐ số 994/QĐ-BGTVT ngày 16/04/13
2	Danh mục các tiêu chuẩn kỹ thuật (ITS) – Báo cáo tiêu chuẩn thiết kế	2/11/2012	---	
3	Danh mục các tiêu chuẩn kỹ thuật (O&M) – Báo cáo tiêu chuẩn thiết kế	23/10/2012	---	
4	Tiêu chuẩn thiết kế hình học	27/2/2012	27/3/2012	
5	Tiêu chuẩn thiết kế cầu	18/1/2012	---	
6	Các mặt cắt ngang điển hình	18/4/2012	---	
7	Mẫu hồ sơ sơ tuyến, Biểu khối lượng, Dự toán	19/3/2012	---	

2. Thiết kế chi tiết và lập kế hoạch đấu thầu

2.1 Phân chia các gói thầu

Bảng 0.1 Phân chia các gói thầu

Công việc	Địa phận	TT.	Đoạn	Chiều dài (km)	Nguồn vốn		
					JICA	WB	
Xây dựng	Đà Nẵng	PKG1	KM000+000 - KM008+000	8.000	X		
		Quảng Nam	PKG2	KM008+000 - KM016+880	8.880	X	
			PKG3A	KM016+880 - KM018+100	1.220	X	
			PKG3B	KM018+100 - KM021+500	3.400	X	
			PKG4	KM021+500 - KM032+600	11.100	X	
			PKG5	KM032+600 - KM042+000	9.400	X	
			PKG6	KM042+000 - KM052+000	10.000	X	
			PKG7	KM052+000 - KM065+000	13.000	X	
			PKG A1	KM065+000 - KM081+150	16.150		X
	PKG A2	KM081+150 - KM099+500	18.350		X		
	Quảng Ngãi	PKG A3	KM099+500 - KM110+100	10.600		X	
		PKG A4	KM110+100 - KM124+700	14.600		X	
		PKG A5	KM124+700 - KM131+500	6.800		X	
			KM131+500 - KM139+204	7.704		X	
Hệ thống Giao thông thông minh/ Vận hành & Bảo dưỡng		Công trình, nhà, Thiết bị Công trình ITS	PKG 13	KM000+000 - KM139+204	139.204	X	
An toàn giao thông/ Chiếu sáng	Đà Nẵng-Tam Kỳ	PKG 14A	KM000+000 - KM065+000	65.000	X		
	Tam Kỳ-Quảng Ngãi	PKG 14B	KM065+000 - KM139+204	74.204		X	

Dịch vụ TVTK	Đà Nẵng – Quảng Ngãi		KM000+000 - KM139+204	139.204		X
--------------	-------------------------	--	-----------------------	---------	--	---

2.2 Khảo sát và điều tra hiện trường (TOR 3.3.2)

(1) Khảo sát địa hình (TOR 3.3.2 (2) (i))

Bảng 2.2.1

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm	Ngày ký biên bản
1	Khảo sát điểm khống chế	19/12/2012	20/12/2012
2	Khảo sát địa hình- PKG1	16/5/2013	24/5/2013
3	Khảo sát địa hình- PKG2	10/5/2013	24/5/2013
4	Khảo sát địa hình- PKG3A	9/10/2012	22/10/2012
5	Khảo sát địa hình- PKG3B	2/4/2013	18/4/2013
6	Khảo sát địa hình- PKG4	5/6/2013	31/5/2013
7	Khảo sát địa hình- PKG5	13/5/2013	18/4/2013
8	Khảo sát địa hình- PKG6	5/2/2013	19/4/2013
9	Khảo sát địa hình- PKG7	15/3/2013	22/4/2013
10	Khảo sát địa hình- PKGA1	6/5/2013	27/5/2013
11	Khảo sát địa hình- PKGA2	8/3/2013	11/4/2013
12	Khảo sát địa hình- PKGA3	24/4/2013	28/5/2013
13	Khảo sát địa hình- PKGA4	31/5/2013	29/4/2013
14	Khảo sát địa hình- PKGA5	21/5/2013	28/4/2013

(2) Khảo sát số liệu thủy văn (TOR 3.3.2 (2) (ii))

Bảng 2.2.2

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm
	1. Báo cáo khảo sát thủy văn	
1	V 1 Báo cáo dữ liệu khí tượng thủy văn	
2	V 2.1 Báo cáo khảo sát mực nước dọc theo tim tuyến cao tốc	25/12/2012
3	V 2.2 Các bản vẽ khảo sát mực nước dọc theo tim tuyến cao tốc	
4	V 3.1 Báo cáo khảo sát bổ sung để thực hiện phân tích ngập lụt	27/3/2013
5	V 3.2 Các bản vẽ khảo sát bổ sung để thực hiện phân tích ngập lụt	
6	V 4.1 Khảo sát mực nước và lưu tốc cầu Kỳ Lam	
7	V 4.2 Khảo sát mực nước và lưu tốc cầu Chiêm Sơn	25/12/2012
8	V 4.3 Khảo sát mực nước và lưu tốc cầu Trà Bồng	
9	V 4.4 Khảo sát mực nước và lưu tốc cầu Trà Kh	
-	2. Các báo cáo tính toán thủy văn -thủy lực	
10	2.1 Báo cáo nghiên cứu thủy văn	22/10/2012
11	2.2 Các tài liệu hỗ trợ nghiên cứu thủy văn	17/11/2012
12	2.3 Báo cáo phân tích ngập lụt	3/12/2012

(3) Khảo sát địa chất công trình (TOR 3.3.2 (2) (iii))

Bảng 2.2.3

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm	Ngày ký biên bản
1	Khảo sát địa chất - PKG1	10/5/2013	15/7/2013
2	Khảo sát địa chất - PKG1 (Nút giao Túy Loan)	27/6/2013	10/7/2013
3	Khảo sát địa chất - PKG1 (Đoạn cải tuyến)	8/8/2013	30/7/2013
4	Khảo sát địa chất - PKG1 (LRB02)	04/06/2013	16/7/2013
5	Khảo sát địa chất - PKG2 (Đắp)	29/1/2013	27/2/2013
6	Khảo sát địa chất - PKG2 (Cầu)	1/7/2013	8/7/2013
7	Khảo sát địa chất - PKG2 (Nút giao Mỹ Sơn)	11/5/2013	4/6/2013
8	Khảo sát địa chất - PKG2 (Trắc dọc địa chất)	5/7/2013	6/7/2013
9	Khảo sát địa chất - PKG3A (cầu Kỳ Lam)	17/10/2012	27/3/2013
10	Khảo sát địa chất - PKG3B	22/6/2013	26/6/2013
11	Khảo sát địa chất - PKG3B (Cầu Chiêm Sơn)	4/4/2013	28/5/2013

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm	Ngày ký biên bản
12	Khảo sát địa chất - PKG4-1	7/8/2013	3/7/2013
13	Khảo sát địa chất - PKG4-2	7/8/2013	10/8/2013
14	Khảo sát địa chất - PKG 4- Đoạn hầm	15/4/2013	29/5/2013
15	Khảo sát địa chất - PKG5	11/4/2013	23/5/2013
16	Khảo sát địa chất - PKG5 (Nút giao Hà Lâm)	25/5/2013	4/6/2013
17	Khảo sát địa chất - PKG6	5/2/2013	24/6/2013
18	Khảo sát địa chất - PKG6 (ORB-13)	24/6/2013	25/6/2013
19	Khảo sát địa chất - PKG7	22/3/2013	24/5/2013
20	Khảo sát địa chất - PKG7 (Nút giao Tam Kỳ)	25/5/2013	4/6/2013
21	Khảo sát địa chất - PKGA1	5/7/2013	12/7/2013
22	Khảo sát địa chất - PKGA1 (FO06a, ORB17a)	5/7/2013	12/7/2013
23	Khảo sát địa chất - PKGA2-1	9/4/2013	3/6/2013
24	Khảo sát địa chất - PKGA2-1 (CB23, OP19)	24/6/2013	25/6/2013
25	Khảo sát địa chất - PKGA2-1 (Nút giao Chu Lai)	25/5/2013	4/6/2013
26	Khảo sát địa chất - PKGA2-2	2/4/2013	31/5/2013
27	Khảo sát địa chất - PKGA2-2 (CB25)	24/6/2013	25/6/2013
28	Khảo sát địa chất - PKGA3	5/7/2013	11/7/2013
29	Khảo sát địa chất - PKGA3 (Nút giao Dung Quất)	25/5/2013	4/6/2013
30	Khảo sát địa chất - PKGA3 (Cầu Trà Bồng)	4/4/2013	5/6/2013
31	Khảo sát địa chất - PKGA4	9/4/2013	...Jan 2013
32	Khảo sát địa chất - PKGA4 (Công hợp)	24/6/2013	25/6/2013
33	Khảo sát địa chất - PKGA4 (Nút giao Bắc Quảng Ngãi)	25/6/2013	4/6/2013
34	Khảo sát địa chất - PKGA5	19/6/2013	20/6/2013
35	Khảo sát địa chất - PKGA5 (Công hợp)	24/6/2013	25/6/2013
36	Khảo sát địa chất - PKGA5 (Cầu Trà Khúc)	4/4/2013	27/6/2013
37	Khảo sát địa chất - PKG13 (Tòa nhà O&M)	13/6/2013	31/7/2013

(4) Khảo sát nguồn vật liệu (TOR 3.3.2 (2) (iv))

Bảng 2.2.4

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm
1	Báo cáo khảo sát vật liệu (cho toàn bộ các gói thầu)	24/7/2013
2	Báo cáo khảo sát vật liệu (cho từng gói thầu)	9/8/2013
3	Báo cáo khảo sát vật liệu (ATB)	16/9/2013

(5) Khảo sát kết cấu liên quan khác (TOR 3.3.2 (2) (v))

Bảng 2.2.5

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm	Ngày ký biên bản
1	Khảo sát địa hình- khu vực đông dân cư	4/5/2013	16/5/2013
2	Khảo sát địa hình- đường dẫn tạm	9/5/2013	
3	Khảo sát địa hình- các công trình công cộng	16/5/2013	16/5/2013
4	Đường dây cao thế (HVL)	24/10/2012	
5	Đường dây trung và hạ thế (MVL-LVL)	20/6/2012	

(6) Khảo sát giao thông bổ sung (TOR 3.3.2 (2) (vi))

Bảng 2.2.6

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm	Ngày ký biên bản
1	Khảo sát giao thông bổ sung	9/1/2013	
2	Báo cáo đánh giá an toàn giao thông	3/2013	576/QĐ-VEC, 12/11/2013

(7) Khảo sát thẩm định giá độc lập (TOR 3.3.2 (2) (vii))

Bảng 2.2.7

TT.	Gói thầu/mục	Ngày trình nộp sản phẩm
1	Hòa Vang (Km0+000 – Km7+965)	12/01/2013
2	Điện Bàn (Km7+965 – Km21+115)	27/6/2012
3	Duy Xuyên (Km21+115 – Km29+465)	15/01/2013
4	Quê Sơn (Km29+465 – Km39+650)	14/01/2013
5	Thăng Bình (Km39+650 – Km52+350)	19/03/2013
6	Phú Ninh (Km52+350 – Km66+480)	29/03/2013
7	Tam Kỳ (Km66+480 – Km68+425)	20/06/2012
8	Núi Thành (Km68+425 – Km99+200)	21/01/2013
9	Bình Sơn (Km99+200 – Km111+512)	07/06/2012
10	Sơn Tịnh (Km111+512 – Km125+200)	07/06/2012
11	Tư Nghĩa (Km125+200 – Km139+263)	03/01/2013
12	Nghĩa Hành (Km132+600 – Km134+640)	03/01/2013

2.3 TKKT đường, cầu và kết cấu khác (TOR 3.3.3)

Bảng 2.3

TT.	Gói thầu	Đệ trình		Ý kiến thẩm tra (1)	Trả lời (1)	Ý kiến thẩm tra (2)	Trả lời (2)	QĐ Phê duyệt số, ngày
		Dur thảo	Cuối cùng					
1	3A	30/6/2012	28/12/2012					439/QĐ-VEC, 23/11/2012
2	A4	27/9/2012	4/6/2013	1/3/2013	3/3/2013	23/4/2013	9/5/2013	93/QĐ-VEC, 8/3/2013
3	3B	22/4/2013	24/6/2013	3/6/2013	6/6/2013			265/QĐ-VEC, 5/6/2013
4	6	5/2/2013	15/7/2013	26/3/2013	12/4/2013	8/5/2013		308/QĐ-VEC, 9/7/2013
5	5	24/4/2013	8/7/2013	6/5/2013	25/5/2013			278/QĐ-VEC, 14/6/2013
6	7	24/4/2013	29/7/2013	6/5/2013	25/5/2013			309/QĐ-VEC, 9/7/2013
7	A2	24/4/2013	29/7/2013	6/5/2013	25/5/2013			307/QĐ-VEC, 9/7/2013
8	A1	22/4/2013	11/9/2013	1/7/2013	12/7/2013			401/QĐ-VEC, 20/8/2013
9	A3	27/5/2013	23/9/2013	1/7/2013	12/7/2013			403/QĐ-VEC, 20/8/2013
10	A5	4/4/2013	2/10/2013	26/3/2013	24/4/2013	8/5/2013		402/QĐ-VEC, 20/8/2013
11	1	29/5/2013	4/9/2013	9/7/2013	17/7/2013			410/QĐ-VEC, 21/8/2013
12	2	30/5/2013	26/8/2013	24/6/2013	4/7/2013			398/QĐ-VEC, 15/8/2013
13	4	25/6/2013	20/11/2013	17/7/2013	23/7/2013			546/QĐ-VEC, 25/10/2013
14	14A							367/QĐ-VEC, 16/06/2014
15	14B							374/QĐ-VEC, 16/06/2014

2.4 TKKT công trình điện (Bổ sung vào TOR)

Bảng 2.4

TT	Gói thầu	Đệ trình		Ý kiến thẩm tra(1)	Trả lời các ý kiến (1)	Ý kiến thẩm tra(2)	Trả lời các ý kiến (2)	Phê duyệt
		Dur thảo	Cuối cùng					
1	14A-2	2/7/2013	2/7/2014	18/7/2013	25/7/2013	24/9/2013	11/10/2013	16/06/2014
2	14B-2							16/06/2014

2.5 Nghiên cứu và thiết kế hệ thống ITS và thu phí (TOR 3.3.4) & Vận hành và bảo dưỡng cao tốc (TOR 3.3.5)

Bảng 2.5

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ý kiến thẩm tra	Trả lời	Trình nộp	Phê duyệt
1	13	Phương án O&M	Báo cáo phương án O&M	2			03/05/2013	
2			Báo cáo phương án quản lý giao thông	1			03/05/2013	
3			Báo cáo hệ thống giám sát xe hạng nặng	1			03/05/2013	
4			Báo cáo phương án tòa nhà O&M	3			03/05/2013	
5		Tòa nhà O&M	Hồ sơ TKCS	1	24/9/2013	28/10/2013	12/02/2014	QĐ số 4844/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014
6			Các bản vẽ					
7			Báo cáo khối lượng					
8		Chỉ dẫn kỹ thuật						
9		Phương tiện O&M	Chi dẫn kỹ thuật	1	24/9/2013	28/10/2013	12/02/2014	
10		ITS	Báo cáo	1	24/9/2013	28/10/2013	12/02/2014	
			Bản vẽ					
	Hồ sơ mời sơ tuyển							
11	Dự toán							

2.6 Xem xét và cập nhật các Báo cáo EIA, EMP and RAP (TOR 3.3.6)

(1) Xem xét và cập nhật các Báo cáo EIA, EMP

Bảng 2.6.1

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình nộp	Ngày phê duyệt
1	----	EIA	Dự thảo báo cáo EIA cập nhật	-	13/06/2012	10/07/2014
2			Dự thảo báo cáo EIA cập nhật cuối cùng	-	10/12/2012	
3			Báo cáo EIA cập nhật cuối cùng	-	22/07/2013	
4	----	EMP	Dự thảo báo cáo EMP cập nhật	-	30/07/2012	27/03/2014
5			Dự thảo báo cáo EMP cập nhật cuối cùng	-	20/03/2013	
6			Báo cáo EMP cập nhật cuối cùng	-	22/07/2013	

(2) Thỏa thuận với địa phương

Bảng 2.6.2

TT	Vị trí			Ngày họp	Ngày ký thỏa thuận
	Tỉnh/Thành	Huyện	Xã		
1	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Nhơn	14/06/2013	20/2/2012
2			Hòa Phong	12/4/2012	
3			Hòa Tiến	13/4/2012	
4	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Tiên	13/01/2012	8/2/2012
5			Điện Thọ	11/01/2012	
6			Điện Quang	12/01/2012	
7		Duy Xuyên	Duy Trinh	09/10/2012	4/4/2012
8			Duy Sơn	09/10/2012	
9			Duy Trung	10/10/2012	
10		Quế Sơn	Quế Xuân 2	08/04/2013	11/4/2012
11			Phú Thọ	09/11/2012	
12		Thăng Bình	Bình Quý	26/11/2012	5/4/2012
13			Bình Chánh	26/11/2012	
14			Bình Quế	27/11/2012	
15			Bình An	27/11/2012	
16		Phú Ninh	Tam Thanh	21/11/2012	29/3/2012
17			Tam Phước	21/11/2012	
18			Tam Đàn	22/4/2012	

TT	Vị trí			Ngày họp	Ngày ký thỏa thuận	
	Tỉnh/Thành	Huyện	Xã			
19			Tam Thái	23/4/2012	7/3/2012	
20			Tam Đại	23/4/2012		
21				20/4/2012		
22		T.P Tam Kỳ	Tam Ngọc	19/4/2012	24/3/2012	
23		Núi Thành	Tam Xuân 1	20/4/2012		
24			Tam Xuân 2	21/4/2012		
25			Tam Anh Bắc	04/01/2013		
26			Tam Anh Nam	08/01/2013		
27			Tam Hiệp	04/01/2013		
28			Tam Mỹ Tây	09/01/2013		
29	Tam Mỹ Đông		08/01/2013			
30		Tam Nghĩa	09/01/2013			
31	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Chánh	07/11/2012	16/3/2012	
32			Bình Nguyên	10/11/2012		
33			Bình Trung	07/11/2012		
34			Bình Chương	10/11/2012		
35			Bình Long	14/3/2012		
36		Sơn Tịnh	Tịnh Thọ	15/3/2012	19/3/2012	
37			Tịnh Hà	16/3/2012		
38		Tư Nghĩa	Nghĩa Kỳ	19/3/2012	18/4/2012	
39			Nghĩa Điền	20/3/2012		
40			Nghĩa Trung	21/3/2012		
41			Nghĩa Thương	22/3/2012		
42			Nghĩa Hành	Hành Thuận	23/3/2013	18/4/2012

(3) Cập nhật RAP
Bảng 2.6.3

SURAP Số	PKG	Tỉnh	Huyện	Hoàn thành (%)					Hoàn thành SURAP
				DMS	RCS	IRP	SES	RS	
1	1	Da Nang	Hòa Vang	70	100	0	100	45	75
2	1, 2	Quang Nam	Điện Bàn	80	100	100	100	100	95
	3A			100	100	100	100	100	100
3	3B, 4		Duy Xuyên	50	100	100	100	60	80
4	4, 5		Quế Sơn	50	100	100	100	30	60
5	5, 6, 7		Thăng Bình	50	100	100	100	30	60
6	7, A1		Phú Ninh	50	100	100	100	55	65
7	A1		Tam Kỳ City	100	100	100	100	100	100
8	A1, A2		Núi Thành	50	100	100	100	60	70
9	A2, A3		Quang Ngãi	Bình Sơn	50	100	100	100	55
	A4	100			100	100	100	100	100
10	A5	Sơn Tịnh		100	100	100	100	100	100
				90	100	100	100	100	95
11		Tư Nghĩa,		95	100	100	100	100	88
12		Quang Ngãi city		70	100	0	100	100	0
13		Nghĩa Hành		95	100	100	100	100	94

RCS =	Khảo sát giá thay thế (do Tư vấn phụ thực hiện)	RS =	Chiến lược di dời
DMS =	Khảo sát kiểm đếm chi tiết (do chính quyền huyện thực hiện)	SES =	Khảo sát kinh tế - xã hội bổ sung
		IRP =	Chương trình phục hồi thu nhập

2.7 Kế hoạch và biện pháp thi công (TOR 3.3.7)

Bảng 2.7

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình
1	1	Biện pháp thi công	Biện pháp thi công	1	25/10/2013
2	2			1	21/10/2013
3	3A			2	11/3/2013
4	3B			2	12/9/2013
5	4			1	8/2/2014
6	5			1	2/11/2013
7	6			3	14/11/2013
8	7			1	7/11/2013
9	A1			0	29/10/2013
10	A2			0	3/9/2013
11	A3			0	9/1/2014
12	A4			2	11/5/2013
13	A5			0	18/4/2013

2.8 Dự toán (TOR 3.3.8)

Bảng 2.8

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình	QĐ phê duyệt số, ngày
1	1	Dự toán	Báo cáo dự toán	1	25/10/2013	553/QĐ-VEC, 28/10/2013
2	2			2	29/10/2013	554/QĐ-VEC, 30/10/2013
3	3A			4	28/2/2013	01/03/2013
4	3B			3	27/9/2013	449/QĐ-VEC, 13/09/2013
5	4			1	24/1/2014	83/QĐ-VEC, 13/02/2014
6	5			1	8/11/2013	593/QĐ-VEC, 18/11/2013
7	6			3	14/11/2013	607/QĐ-VEC, 28/11/2013
8	7			1	7/11/2013	604/QĐ-VEC, 25/11/2013
9	A1			1	24/1/2014	13/03/2014
10	A2			1	20/1/2014	13/03/2014
11	A3			0	2/1/2014	13/03/2014
12	A4			4	27/8/2013	426/QĐ-VEC, 30/08/2013
13	A5			0	15/4/2013	07/05/2014
17	14A			2	07/07/2014	
18	14B			3	07/07/2014	

2.9 Hồ sơ sơ tuyển, Hồ sơ mời thầu và hồ sơ hợp đồng (TOR 3.3.9)

(1) Hồ sơ sơ tuyển (P/Q)

Bảng 2.9.1 Hồ sơ sơ tuyển theo từng gói thầu

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình
1	1	Hồ sơ sơ tuyển	Hồ sơ sơ tuyển	3	5/11/2012
2	2			3	5/11/2012
3	3A			2	12/02/2012
4	3B			3	5/11/2012
5	4			3	12/11/2012
6	5			3	12/11/2012
7	6			3	12/11/2012

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình
8	7			3	12/11/2012
9	A1			4	05/07/2012
10	A2			4	05/07/2012
11	A3			3	05/07/2012
12	A4			1	17/01/2012
13	A5			3	05/07/2012
14	13				
15	14A			2	19/11/2013
16	14B				

(2) Hồ sơ mời thầu

Bảng 2.9.2 Hồ sơ mời thầu theo từng gói thầu

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình	Ngày phê duyệt	
1	1	Hồ sơ mời thầu	Phân 1&3	0	12/04/2013	06/09/2013	
2			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	0	5/9/2013		
3			V2.3 Biểu khối lượng	0	5/9/2013		
4	2		Phân 1&3	0	12/04/2013	28/08/2013	
5			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	0	26/08/2013		
6			V2.3 Biểu khối lượng	0	26/08/2013		
7	3A		Phân 1&3	0	22/03/2012	08/01/2013	
8			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	3	09/01/2013		
9			V2.3 Biểu khối lượng	3	09/01/2013		
10	3B		Phân 1&3	0	12/04/2013	25/07/2013	
11			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	1	12/07/2013		
12			V2.3 Biểu khối lượng	1	12/07/2013		
13	4		Phân 1&3	0	31/05/2013	13/12/2013	
14			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	1	14/12/2013		
15			V2.3 Biểu khối lượng	1	14/12/2013		
16	5		Phân 1&3	0	31/05/2013	27/09/2013	
17			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	1	17/9/2013		
18			V2.3 Biểu khối lượng	1	17/9/2013		
19	6		Phân 1&3	0	22/03/2013	27/09/2013	
20			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	1	19/09/2013		
21			V2.3 Biểu khối lượng	0	19/9/2013		
22	7		Phân 1&3	0	31/05/2013	27/09/2013	
23			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	1	23/09/2012		
24			V2.3 Biểu khối lượng	1	17/07/2012		
25	A1		Phân 1&3	0	26/6/2013	Đã được VEC Phê duyệt	
26			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	0	09/10/2013		
27			V2.3 Biểu khối lượng	0	09/10/2013		
28	A2		Phân 1&3	0	26/7/2013		
29			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	0	30/9/2013		
30			V2.3 Biểu khối lượng	0	30/9/2013		
31	A3		Phân 1&3	0	26/7/2013		24/06/2013
32			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	0	11/10/2013		
33			V2.3 Biểu khối lượng	0	11/10/2013		
34	A4		Phân 1&3	0	19/04/2012	26/03/2014	
35			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	6	29/07/2013		
35			V2.3 Biểu khối lượng	7	20/08/2013		
37	A5		Phân 1&3	0	26/7/2013	26/03/2014	
38			V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	0	16/01/2014		
39			V2.3 Biểu khối lượng	0	16/01/2014		
40	A1-A2-A3		V2.1 Chi dẫn kỹ thuật	1	30/12/2013	31/12/2013	
41			V2.3 Biểu khối lượng	1	30/12/2013		

TT.	Gói thầu	Phân loại	Tiêu đề báo cáo	Chỉnh sửa	Ngày trình	Ngày phê duyệt
42	14A		An toàn g/thông , Chi dẫn k/thuật			Đã được VEC Phê duyệt
43			An toàn giao thông , Biểu khối lượng			
44			Chiều sáng đường, Chi dẫn kỹ thuật			Đã được VEC Phê duyệt
45			Chiều sáng đường, Biểu khối lượng			
46	14B	Hồ sơ mời thầu	An toàn giao thông , Chi dẫn kỹ thuật			Đã được VEC Phê duyệt
47			An toàn giao thông , Biểu khối lượng			
48			Chiều sáng đường, Chi dẫn kỹ thuật			
49			Chiều sáng đường, Biểu khối lượng			

2.10 Cẩm mốc lộ giới và cọc GPMB (TOR 3.5)

Bảng 2.10.1

Huyện	Hạng mục	Từ	Đến	Hồ sơ cắm cọc GPMB và mốc lộ giới	Biên bản Bàn giao ngày	QĐ phê duyệt số, ngày
Hòa Vang	Nút giao Túy Loan	00-800	00+900	Số 9	6/11/12	226/QĐ-VEC, 20/5/2013
				Số 14	21/05/13	
	TMC/PA	03+400	05+934	Số 9	6/11/12	
	Cải tuyến	00+518	02+601	Số 11	11/1/13	40/QĐ-VEC, 24/01/2013
Điện Bàn	Nút giao Mỹ Sơn	12+840	13+820	Số 12	10/4/13	41/QĐ-VEC, 24/01/2013
	Tuyến chính	17+850	20+100	Số 1	17/8/12	
Duy Xuyên	Tuyến chính	20+400	24+700	Số 6	17/8/12	
	Tuyến chính	24+700	29+465	Số 5	17/8/12	
	PA (29+130)	Chuyển sang gói 5				
	Cải tuyến	20+657	22+080	Số 11	1/2/13	40/QĐ-VEC, 24/01/2013
	Cải tuyến	25+210	30+100	Số 11	1/2/13	40/QĐ-VEC, 24/01/2013
Quế Sơn	Tuyến chính	29+465	39+650	Số 2	27/9/12	
	Cải tuyến	30+100	32+600	Số 11	1/2/13	40/QĐ-VEC, 24/01/2013
	Cải tuyến	34+298	35+100	Số 15	7/08/13	
	PA (36+000)	35+501	36+641	Số 15	7/08/13	
Thăng Bình	Tuyến chính	39+650	52+350	Số 3	29/9/12	
	Nút giao Hà Lam	40+300	41+400	Số 12	10/4/13	41/QĐ-VEC, 24/01/2013
Phủ Ninh	Tuyến chính	52+350	60+140	Số 4	1/10/12	
	Nút giao Tam Kỳ	63+900	64+950	Số 12	11/4/13	41/QĐ-VEC, 24/01/2013
	SA (66+460)	66+409	67+785	Số 15	8/8/13	
Núi Thành	Tuyến chính	71+100	99+200	Số 8*	1/11/12	
					28/11/12	Cọc đã được khôi phục
	Nút giao Chu Lai	82+430	83+500	Số 12	11/4/13	41/QĐ-VEC, 24/01/2013
	PA (96+300)	95+810	96+800	Số 16	17/12/13	477/QĐ-VEC, 27/9/2013
Bình Sơn	Tuyến chính	99+200	109+300	Số 7	5/10/12	
					28/11/12	Cọc đã được khôi phục
	Nút giao Dung Quất	101+190	102+240	Số 12	12/4/13	41/QĐ-VEC, 24/01/2013
	Đã điều chỉnh (Đường gom)	110+100	111+600	Số 13	24/7/13	166/QĐ-VEC, 18/4/2013
Sơn Tịnh	Đã điều chỉnh (Đường gom)	111+600	124+700	Số 13	24/7/13	
	Nút giao Dung Quất 2	116+685	117+485	Số 15	24/7/13	
	PA	120+300	121+700	Số 10		Hủy
	Nút giao Bắc Quảng Ngãi	123+000	124+450	Số 13	23/7/13	166/QĐ-VEC, 18/4/2013
	GPMB bổ sung	123+989	124+072	Số 18	10/2013	543/QĐ-VEC, 14/10/2013
Tư Nghĩa	TB (129+500)	129+321	131+550	Số 15	24/7/13	
	Đất bổ sung	127+878	129+078	Số 15	23/7/13	
	Đất bổ sung	134+646	135+326	Số 15	23/7/13	
	Giao với QL1	138+891	139+204	Số 15	24/7/13	
TP Quảng Ngãi	Nút giao Quảng Ngãi	130+050	130+870	Số 15	24/7/13	
Toàn tuyến				Số 17	19/12/13	477/QĐ-VEC, 27/9/2013

2.11 Chuyển giao công nghệ (TOR 3.6)

Bảng 2.11.1 Hội thảo chuyển giao công nghệ

TT	Tên hội thảo	Ngày	Địa điểm	Thành phần tham gia	Số lượng	Ghi chú
1	Hội thảo ITS/O&M	16/10/2012	VEC	Bộ GTVT, VEC,	15	

TT	Tên hội thảo	Ngày	Địa điểm	Thành phần tham gia	Số lượng	Ghi chú
				PMU85		

Bảng 2.11.2 Chương trình đào tạo đề xuất (tháng 6/2013)

TT.	Tiêu đề	Người trình bày	Chức danh
1	Sử dụng Google Earth trong thiết kế đường	Tiến sĩ Naresh Sthapit	Kỹ sư đường 2
2	Phương án và thiết kế ITS	Ông Koichi Nishimura	Chuyên gia ITS
3	Chuẩn bị báo cáo SubRAP	Tiến sĩ Vu Ngoc Long	Chuyên gia tái định cư
4	Chuẩn bị hồ sơ mời thầu	Ông William John Davy	Chuyên gia đấu thầu/hợp đồng cao cấp
5	Quản lý dự án - dự án TVTKKT	Ông Ichizuru Ishimoto	Giám đốc dự án

3. Khối lượng hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã trình nộp

Bảng 3. Danh sách các hồ sơ, báo cáo yêu cầu trong Hợp đồng Tư vấn TKKT (Tháng 11 năm 2013)

STT	Tên báo cáo	Số lượng yêu cầu trong HĐ (bộ)	Số lượng Tư vấn đã nộp (bộ)	Ghi chú
1	Báo cáo đầu kỳ	15	15	
2	Báo cáo kết quả xem xét và Khung cơ sở TKCT	15	14	
3	Báo cáo tháng	15	8 bộ Anh 8 bộ Việt	
4	Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA)	15	15	
5	Kế hoạch quản lý môi trường (EMP)	15	15	
6	Báo cáo tóm tắt về sự phù hợp của hướng tuyến đề xuất	Ko nêu cụ thể	3 bộ	
7	Kế hoạch Giải phóng mặt bằng (Sub-RAP cập nhật)	15	0	
Báo cáo khảo sát				
8	Khảo sát địa hình:	Ko nêu cụ thể		
	Gói thầu số 1	14	14	
	Gói thầu số 2	14	14	
	Gói thầu số 3A	15	15	
	Gói thầu số 3B	14	14	
	Gói thầu số 4	14	14	
	Gói thầu số 5	14	14	
	Gói thầu số 6	14	14	
	Gói thầu số 7	14	14	
	Gói thầu số A1	14	14	
	Gói thầu số A2	14	14	
	Gói thầu số A3	14	14	
	Gói thầu số A4	14	14	
	Gói thầu số A5	14	14	
9	Khảo sát và tính toán thủy văn	Ko nêu cụ thể	14	
10	Khảo sát địa chất công trình			
	Gói thầu số 1	14	14	
	Gói thầu số 2	14	14	
	Gói thầu số 3A	14	14	

	Gói thầu số 3B	14	14	
	Gói thầu số 4	14	14	
	Gói thầu số 5	14	14	
	Gói thầu số 6	14	14	
	Gói thầu số 7	14	14	
	Gói thầu số A1	14	14	
	Gói thầu số A2	14	14	
	Gói thầu số A3	14	14	
	Gói thầu số A4	14	14	
	Gói thầu số A5	14	14	
11	Khảo sát mỏ vật liệu	Ko nêu cụ thể	Mỗi gói 1 bộ	
12	Khảo sát các công trình liên quan khác	Ko nêu cụ thể	14	
13	Khảo sát giao thông bổ sung	Ko nêu cụ thể	03	
14	Báo cáo thiết kế, bản vẽ	3 bản dự thảo cho mỗi lần trình		
	Gói thầu số 1	14	14	
	Gói thầu số 2	14	14	
	Gói thầu số 3A	14	14	
	Gói thầu số 3B	14	14	
	Gói thầu số 4	14	14	
	Gói thầu số 5	14	14	
	Gói thầu số 6	14	14	
	Gói thầu số 7	14	14	
	Gói thầu số A1	14	14	
	Gói thầu số A2	14	14	
	Gói thầu số A3	14	14	
	Gói thầu số A4	14	14	
	Gói thầu số A5	14	14	
	Gói thầu số 13	14	14	
	Gói thầu số 14A	14	14	
	Gói thầu số 14B	14	14	
15	Báo cáo dự toán	Ko nêu cụ thể		
	Gói thầu số 1		03	
	Gói thầu số 2		03	
	Gói thầu số 3A		03	
	Gói thầu số 3B		03	
	Gói thầu số 4		03	
	Gói thầu số 5		03	
	Gói thầu số 6		03	
	Gói thầu số 7		03	
	Gói thầu số A1		03	
	Gói thầu số A2		03	
	Gói thầu số A3		03	
	Gói thầu số A4		03	
	Gói thầu số A5		03	
	Gói thầu số 13		03	
	Gói thầu số 14A		04	
	Gói thầu số 14B		04	
16	Hồ sơ sơ tuyển	3 bản dự thảo cho mỗi lần trình		
	Gói thầu số 1	10	10	
	Gói thầu số 2	10	10	
	Gói thầu số 3A	10	10	
	Gói thầu số 3B	10	10	
	Gói thầu số 4	10	10	

	Gói thầu số 5	10	10	
	Gói thầu số 6	10	10	
	Gói thầu số 7	10	10	
	Gói thầu số A1	10	10	
	Gói thầu số A2	10	10	
	Gói thầu số A3	10	10	
	Gói thầu số A4	10	10	
	Gói thầu số A5	10	10	
	Gói thầu số 13	10	10	
	Gói thầu số 14A	10	10	
	Gói thầu số 14B	10	10	
17	Hồ sơ thầu	3 bản dự thảo cho mỗi lần trình		
	Gói thầu số 1	14	14	
	Gói thầu số 2	14	14	
	Gói thầu số 3A	14	14	
	Gói thầu số 3B	14	14	
	Gói thầu số 4	14	14	
	Gói thầu số 5	14	14	
	Gói thầu số 6	14	14	
	Gói thầu số 7	14	14	
	Gói thầu số A1	14	14	
	Gói thầu số A2	14	14	
	Gói thầu số A3	14	14	
	Gói thầu số A4	14	14	
	Gói thầu số A5	14	14	
	Gói thầu số 13	14	14	
	Gói thầu số 14A	14	14	
	Gói thầu số 14B	14	14	
18	Báo cáo kiểm toán tính an toàn Giao thông	15	15	
	Khảo sát giá thay thế			
19	Báo cáo đầu kỳ	6	6	
20	Khảo sát giá thay thế	6	6	
21	Báo cáo cắm cọc GPMB	Ko nêu cụ thể		
	Báo cáo số 1		3	
	Báo cáo số 2		3	
	Báo cáo số 3		3	
	Báo cáo số 4		4	
	Báo cáo số 5		3	
	Báo cáo số 6		2	
	Báo cáo số 7		3	
	Hồ sơ cắm cọc Km17+900 – Km109+300		12	
	Báo cáo số 9 và số 10		3	
	Báo cáo số 12		3	
	Báo cáo số 13		3	
	Báo cáo số 14		3	
	Báo cáo số 15		3	
	Báo cáo số 16		3	
	Báo cáo số 17		3	
	Báo cáo số 18		3	